TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀLẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 438/2019/QĐST–HNGĐ	*Đà Lạt, ngày 28 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 639/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2019 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1991; Cư trú tại: Số 23, thôn Q, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;

Bị đơn: Ông **Nguyễn Ngọc Minh T1**, sinh năm 1983; Cư trú tại: số 8/20, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Võ Thị C**, sinh năm 1955; Cư trú tại: Số 23, thôn Q, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Ông **Nguyễn Công T2**, sinh năm 1982; Cư trú tại: Thôn Q, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a, c, d khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18/10/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Ngọc Minh T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Ngọc Minh T1 thuận tình ly hôn;

2.2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Minh T3, sinh ngày 09/9/2015 và Nguyễn Bảo Minh T4, sinh ngày 10/7/2018 cho bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con thành niên. Ông Nguyễn Ngọc Minh T1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/ 02 con/ 01 tháng (mỗi con 1.000.000đ/ 01 tháng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11/2019 cho đến khi các con thành niên.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

2.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kim T, ông Nguyễn Ngọc Minh T1 xác định khối tài sản chung gồm có 01 xưởng chế biến nước uống tinh khiết tại số 2B, đường Hoàng Hoa Thám, Phường X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng đã chuyển nhượng lại cho người khác với giá 300.000.000đ và thỏa thuận chia đôi giá trị tài sản, mỗi bên được hưởng 150.000.000đ. Bà T đã nhận 50.000.000đ nên ông T1 có trách nhiệm thanh toán lại cho bà T phần giá trị còn lại là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

2.4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim T có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị C số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và trả cho ông Nguyễn Công T2 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng); Ông Nguyễn Ngọc Minh T1 có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị C số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và trả cho ông Nguyễn Công T2 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đốivới các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân năm 2015.

2.5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T thỏa thuận chịu 150.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0012660 ngày 10/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Bà Nguyễn Thị Kim T, ông Nguyễn Ngọc Minh T1 đã thỏa thuận được về việc phân chia tài sản chung và yêu cầu Tòa án ghi nhận trước khi tiến hành hòa giải nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phân chia tài sản chung. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 2.500.000đ tạm ứng án phí yêu cầu chia tài sản chung đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0012668 ngày 14/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Bà Nguyễn Thị Kim T thỏa thuận chịu 5.625.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết nợ chung; Ông Nguyễn Ngọc Minh T1 thỏa thuận chịu 5.625.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết nợ chung.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Công T2 số tiền 1.250.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0012669 ngày 14/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS Tp. Đà Lạt;
- UBND Phường 9, Tp Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ vụ án.

Võ Thành Luân